TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HỒI** TỈNH KON TUM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26 /2018/QĐST- HNGĐ	*Ngọc Hồi, ngày 21 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ Hồ sơ việc dân sự thụ lý số 86/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2018 của người yêu cầu: Anh Võ Đức A – sinh năm 1982 và chị Phạm Thị N – sinh năm 1989; Cùng trú tại: Tổ dân phố B, thị trấn P, huyện NH, tỉnh KT.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 55; 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. **Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa**:

- Anh Võ Đức A - Sinh năm 1982
- Chị Phạm Thị N – Sinh năm 1989

Cùng trú tại: Tổ dân phố B, thị trấn P, huyện NH, tỉnh KT.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Đức A và chị Phạm Thị N thỏa thuận cùng thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Phạm Thị N có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy con chung là Võ Anh H – sinh ngày 24/11/2008 cho đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được.

Anh Võ Đức A có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng, để chị Phạm Thị N nuôi con Võ Anh H, mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm đồng)/1

tháng. Thời điểm bắt đầu đóng tiền cấp dưỡng nuôi con, kể từ ngày 20/6/2018 cho đến khi con Võ Anh H đủ 18 tuổi trưởng thành và tự lập được.

□p dụng: Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực và đến thời điểm phải thanh toán và bên được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu bên phải thi hành án không trả khoản tiền trên, thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Các bên có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Căn cứ Điều 144, khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Anh Võ Đức A và chị Phạm Thị N mỗi ng- ời phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh Võ Đức A và chị Phạm Thị N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số: AA/2014/0001997 ngày 31/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi, anh A và chị N đã nộp xong tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện NH;*
- *TAND tỉnh KT;*
- *TAND cấp cao tại ĐN;*
-*UBND Thị Trấn P;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Vũ Văn Thuấn